ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON TÂN XUÂN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON TÂN XUÂN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Mộng Trang | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Đỗ Trần Phương Khanh | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Lý Lệ Dung | Giáo viên | Thư ký hội đồng |  |
| 4 | Phan Thị Ngọc Hiền | Tổ trưởng tổ chuyên môn khối nhà trẻ | Ủy viên hội đồng |  |
| 5 | Phạm Ngọc Oanh | Tổ trưởng tổ chuyên môn khối mẫu giáo 3-4 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Lê Thị Thùy Trang | Tổ trưởng tổ chuyên môn khối mẫu giáo  4-5 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Tô Thị Ngọc Hòa | Tổ trưởng tổ chuyên môn khối mẫu giáo  5-6 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Hồ Thị Ngọc Thúy | Tổ trưởng tổ  cấp dưỡng | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Lê Nguyễn Kiều Chinh | Tổ trưởng tổ văn phòng | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Trần Thị Nhài | Trưởng Ban thanh tra nhân dân | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Trần Thị Thu Nguyệt | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Tống Thị Tuyết Hương | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 6 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 12 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 12 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 14 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4:Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 21 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 24 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 26 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 28 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 30 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 32 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 34 |
| *Kết luận về tiêu chuẩn 1* | 37 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 38 |
| Mở đầu | 38 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 38 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 40 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 43 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 45 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 46 |
| Mở đầu | 46 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 46 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 49 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 51 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 53 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 55 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 57 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 59 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 60 |
| Mở đầu | 60 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 61 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường; | 63 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 66 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 66 |
| Mở đầu | 66 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 67 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 70 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 72 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 76 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 78 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 78 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| ***Tiêu chuẩn 1*** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| ***Tiêu chuẩn 2*** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | - |
| ***Tiêu chuẩn 3*** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| ***Tiêu chuẩn 4*** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | - |
| ***Tiêu chuẩn 5*** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

**Kết quả:** đạt Mức 2.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 2.

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Tân Xuân

Tên trước đây: Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  Hiệu trưởng | Nguyễn Thị Mộng Trang |
| Huyện/ quận/ thị, xã/ thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 02837108149  0907734425 |
| Xã/ phường/ thị trấn | Tân Xuân |  | Fax | Không có |
| Đạt chuẩn Quốc gia | Mức 1 |  | Website | http://mamnon tanxuan.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | Quyết định số 208/QĐ-UBND Hóc Môn, ngày 03 tháng 7 năm 2001 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |

1. **Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến  12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến  24 tháng tuổi | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến  36 tháng tuổi | 03 | 03 | 02 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo  3-4 tuổi | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo  4-5 tuổi | 05 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo  5-6 tuổi | 05 | 05 | 05 | 04 | 04 |
| **Cộng** | 19 | 18 | 18 | 16 | 16 |

1. **Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 18 | 18 | 18 | 16 | 16 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 18 | 18 | 18 | 18 | 18 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | 06 | 06 | 07 | 07 | 07 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 01 | 01 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| **V** | Phòng y tế | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
|  | Cộng | 28 | 28 | 29 | 29 | 29 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2023

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Giáo viên | 34 | 34 | 00 | 00 | 02 | 32 |  |
| Nhân viên | 14 | 10 | 00 | 00 | 14 | 02 |  |
| Cộng | 50 | 46 | 00 | 00 | 28 | 36 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 47 | 41 | 41 | 41 | 33 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 189/14  13.5 | 176/12  14.7 | 120/12  10 | 76/12  6.33 | 106/9  11.7 |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 700/33  21.2 | 622/29  21.4 | 567/29  19.6 | 401/29  13.82 | 387/24  16.12 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 12 | 00 | 04 | 01 | 03 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 01 | 01 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 889 | 798 | 687 | 477 | 493 |
|  | - Nữ | 393 | 381 | 341 | 320 | 430 |
|  | - Dân tộc thiểu số | 11 | 13 | 12 | 03 | 03 |
| 2 | Đối tượng chính sách | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Khuyết tật | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tuyển mới | 248 | 264 | 250 | 174 | 185 |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 6 | Bán trú | 891 | 798 | 687 | 477 | 493 |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 699/14 49.9 | 622/13 47.8 | 567/13  43.6 | 381/14  27.2 | 387/12  32.2 |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 192/5  38.4 | 176/5  35.2 | 120/5  24 | 192/5  38.4 |  |
|  | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 48 | 41 | 28 | 17 | 22 |
| Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 144 | 135 | 92 | 59 | 74 |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 205 | 175 | 167 | 115 | 97 |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 248 | 203 | 180 | 134 | 143 |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 246 | 244 | 220 | 152 | 147 |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của trường

Trường Mầm non Tân Xuân được thành lập từ năm 2001 theo Quyết định số 208/QĐ-UB do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ký ngày 03 tháng 7 năm 2001.

Trường có 18 nhóm lớp, tổng diện tích là 6.148.8 m2, vị trí trường đặt tại số 124 Lê Thị Hà, ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường nhận Quyết định số 2023/QĐ-BGD&ĐT-MN, ngày 13 tháng 5 năm 2002 Quyết định về công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2002-2005 và quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

# Nhà trường luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cũng như chính quyền các cấp. Chi bộ Đảng hoạt động dưới sự quản lý của Đảng uỷ xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn. Đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Các đoàn thể hoạt động tốt cho hoạt động của nhà trường. Sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ tốt về mặt tinh thần tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và Tập thể Lao động tiên tiến, Bằng khen thành phố, Cờ thi đua thành phố, Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Công đoàn và Chi đoàn đạt vững mạnh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn khá vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, đoàn kết và có tinh thần trách nhiệm cao.

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như hiện nay, trường mầm non Tân Xuân đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó, giúp nhà trường chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ đó đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với tình hình thực tế nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Đồng thời, trường thông báo công khai với cơ quan nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của đơn vị là cơ sở để huy động sự chung tay của toàn xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non Tân Xuân thực hiện tự đánh giá để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

- Tháng 02 năm 2021 Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá.

+ Lập kế hoạch tự đánh giá và triển khai công tác tự đánh giá đến toàn trường nhằm quán triệt, giúp đội ngũ và cùng hỗ trợ các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá thực hiện tốt công tác tự đánh giá.

+ Chia ra các nhóm làm việc: thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ thông tin minh chứng.

- Tháng 3 năm 2021 các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết phiếu đánh giá các tiêu chí xem xét, kiểm tra các nhóm hoạt động. Thảo luận các nội dung để bổ sung và hoàn thiện phiếu đánh giá tiêu chí. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Tháng 6 năm 2021 viết báo cáo tự đánh giá.

- Cuối tháng 6 năm 2021 công bố báo cáo tự đánh giá qua buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường và bản tin đoàn thể để lấy ý kiến góp ý sau đó hoàn thiện báo cáo.

- Tháng 8 năm 2021 hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

- Tháng 9 năm 2021 Hiệu trưởng thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Tân Xuân có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và sự hướng dẫn chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có tinh thần trách nhiệm, năng động trong công việc, thực hiện tốt các phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường; tuy nhiên, hình thức công khai chưa được thực hiện trên cổng thông tin điện tử nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng đã đề ra các giải pháp cụ thể giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: đánh giá kết quả thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường qua các buổi họp Ban giám hiệu, liên tịch, Hội đồng sư phạm hằng tháng; hiệu trưởng đã triển khai và thực hiện tốt quy chế công khai trong nhà trường theo quy định Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nên hiệu quả chưa cao [H1-1.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường, có các biện pháp cụ thể để triển khai và giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược.

**3. Điểm yếu**

Hình thức công khai chưa được thực hiện rộng rãi trên cổng thông tin điện tử nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để cộng đồng xã hội tham gia góp ý xây dựng**.**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên cổng thông tin điện tử, bảng tin tuyên truyền, phát thanh tuyên truyền… đến phụ huynh học sinh và cộng đồng xã hội cũng như tiếp thu sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục và các hội đồng khác)***

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Xuân có Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư 52/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có chủ tịch, thư ký và các thành viên khác; nhà trường còn thành lập các hội đồng khác theo quy định như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-01]; [H1-1.4-02].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Các hoạt động của hội đồng trường được định kỳ rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.1-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường định hướng phát triển nhà trường, được hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, hoạt động theo kế hoạch và được định kỳ rà soát đánh giá theo từng hoạt động phát huy hiệu quả chất lượng công tác của Hội đồng, đánh giá tình hình hoạt động, phong trào thi đua và các mặt hoạt động của nhà trường, giúp các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên các thành viên hội đồng trường thường xuyên thay đổi nhân sự nên việc phối hợp kiểm tra, rà soát gặp nhiều khó khăn [H1-1.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non Tân Xuân thành lập Hội đồng trường, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Đánh giá tình hình hoạt động, phong trào thi đua và các mặt hoạt động của nhà trường, giúp các hoạt động của nhà trường nâng cao hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Các thành viên trong Hội đồng trường thường thay đổi nhân sự, nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát định kỳ của các thành viên trong hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn nên hiệu quả chưa đạt mức tối đa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, hiệu trưởng rà soát lại các thành viên trong Hội đồng trường nắm bắt tâm tư nguyện vọng của đội ngũ giáo viên, nhân viên đưa vào Hội đồng trường những thành viên vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm để giúp việc cho Hội đồng trường và các hội đồng khác, quản lý tốt công tác. Ban giám hiệu thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để phát huy vai trò của từng thành viên trong hội đồng trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định; tổ chức công đoàn cơ sở gồm 59 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 03 đoàn viên, trực thuộc Đoàn xã Tân Xuân; các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ, Hội khuyến học [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03].

b) Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc; Chi đoàn đạt vững mạnh nhiều năm liền; Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hội Khuyến học hoàn thành tốt nhiệm vụ tuy nhiên Hội khuyến học hoạt động chưa phong phú về hình thức [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể cùng với Hội Chữ thập đỏ và Hội Khuyến học trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra, qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với cấp trên giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Tân Xuân, Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng, Chi bộ có 25 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 20 giáo viên và 02 nhân viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo các mặt hoạt động của các đoàn thể, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ đạt các thành tích như trong sạch vững mạnh năm 2017, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, các năm còn lại Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu [H1-1.3-02].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo. Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên vườn hoa, vườn rau và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng; Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện; Hội khuyến học nhà trường có chăm lo cho trẻ em nghèo, khó khăn [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ đạt trong sạch vững mạnh năm 2017, đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, các năm còn lại đạt Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu [H1-1.3-02].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ “Mừng Đảng, mừng xuân”, các hội thi của ngành, xã Tân Xuân tổ chức [H1-1.3-02]; [H1-1.8-05].

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của tổ chức đó.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động Hội khuyến học hoạt động đôi lúc chưa phong phú, đa dạng về hình thức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, Hiệu trưởng lập kế hoạch và chỉ đạo sâu sát đến các tổ chức trong nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, quan tâm hướng dẫn, động viên Hội khuyến học của trường hoạt động tích cực, đạt hiệu quả hơn, chăm lo thiết thực cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường. Tiếp tục giữ vững các danh hiệu tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo Hội khuyến học của trường hằng năm xây dựng kế hoạch cần bổ sung thêm nhiều nội dung đa dạng các hoạt động của hội, lưu trữ hồ sơ đầy đủ và khoa học hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

*a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó Hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Xuân thực hiện biên chế xếp loại trường hạng I, Ban giám hiệu gồm có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn theo Thông tư số 71/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 01 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

b) Năm học 2021-2022, trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hằng năm, nhà trường ra Quyết định thành lập 06 tổ chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non gồm: 01 tổ chuyên môn tổ nhà trẻ có 12 thành viên (01 tổ trưởng, 01 tổ phó), 01 tổ chuyên môn khối 3-4 tuổi có 08 thành viên, 01 tổ chuyên môn khối 4-5 tuổi có 10 thành viên (01 tổ trưởng, 01 tổ phó), 01 tổ chuyên môn khối 5-6 tuổi có 10 thành viên (01 tổ trưởng, 01 tổ phó) và 01 tổ văn phòng có 13 thành viên (có 03 Ban giám hiệu, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thủ quỹ; 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ) trong đó có có 01 tổ trưởng-01 tổ phó, 01 tổ chuyên môn cấp dưỡng có 06 thành viên [H1-1.4-02]; [H1-1.7-02] .

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định như: Tổ chuyên môn giáo viên sinh hoạt định kỳ hai tuần/lần, khi trường có yêu cầu, các tổ sẽ được triệu tập họp đột xuất; Phó hiệu trưởng nắm lịch sinh hoạt chuyên môn của từng tổ để kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của các tổ; tổ chuyên môn giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác; tham gia đầy đủ các nội dung học tập, bồi dưỡng thường xuyên hằng năm; ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra dự hoạt động giáo dục, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, tài sản của lớp theo kế hoạch của nhà trường; thực hiện đạt hiệu quả công tác dự giờ đồng nghiệp để cùng xây dựng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Tổ văn phòng: giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá chất lượng hiệu quả công việc các thành viên trong tổ theo kế hoạch nhà trường; tham gia đánh giá xếp loại các thành viên [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp huyện “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ trong trường mầm non”; chuyên đề “Phát triển ngôn ngữ” các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều thực hiện kế hoạch hoạt động của tổ; tổ chức học tập để các thành viên trong tổ học hỏi trao đổi kinh nghiệm, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của tổ; tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ nhằm điều chỉnh kịp thời những sai lệch thiếu sót, bổ sung kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động, các thành viên của tổ văn phòng chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến chuyên môn sâu, các biện pháp sáng tạo trong các buổi sinh hoạt tổ [H1-1.4-03]; [H5-1.5-02].

b) Hằng tháng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường thể hiện qua kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, được sự tín nhiệm cao của phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương; các tổ thực hiện đầy đủ nhiệm vụ trong hoạt động như tổ chức sinh hoạt tổ, phát huy khả năng sáng tạo của từng cá nhân, tham gia thao giảng chuyên môn cấp huyện, nâng cao hiệu quả chuyên môn cho nhà trường, hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng là những mắt xích xây dựng khối đoàn kết trong nội bộ, tích cực trong các hoạt động của nhà trường, các phong trào của địa phương, của ngành mang lại các thành tích, vinh dự, nâng cao hiệu quả hoạt động cho nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, chuyên môn của trường như: dự giờ hoạt động giáo dục, tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức giờ ăn, xây dựng thực đơn chế biến món ăn góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em [H1-1.4-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Các thành viên của tổ văn phòng chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến chuyên môn trong các buổi sinh hoạt tổ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ cấp dưỡng và phát huy tốt vai trò của hoạt động tổ; tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho các cá nhân làm công tác kiêm nhiệm tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; động viên các thành viên mạnh dạn đề xuất ý kiến, các biện pháp sáng tạo đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt tổ để các thành viên trong tổ có nhiều cơ hội, điều kiện đóng góp xây dựng ý kiến cho hoạt động của tổ sôi nổi và đạt hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022 trường có 18 nhóm lớp được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định [H1-1.5-01].

+ Nhóm 13-18 tháng có 01 lớp: 6 trẻ

+ Nhóm 19-24 tháng có 01 lớp: 09 trẻ

+ Nhóm 25-36 tháng có 02 lớp: nhóm 25-36 tháng 1 (26 trẻ); nhóm 25-36 tháng 2 (26 trẻ);

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 4 lớp: Mầm 1 (25 trẻ); Mầm 2 (25 trẻ); Mầm 3 (25 trẻ); Mầm 4 (25 trẻ);

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 05 lớp: Chồi 1 (30 trẻ); Chồi 2 (30 trẻ); Chồi 3 (30 trẻ); Chồi 4 (30 trẻ); Chồi 5 (30 trẻ).

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có 05: Lá 1 (35 trẻ); Lá 2 (35 trẻ); Lá 3 (35 trẻ); Lá 4 (35 trẻ); Lá 5 (35 trẻ).

b) 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú và luôn được duy trì tốt hàng năm [H1-1.5-02].

c) Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Năm học 2021-2022 tổng số trẻ toàn trường 492 trẻ, trong đó có 01 nhóm 13-18 tháng (06 trẻ), 01 nhóm 19-24 tháng (09 trẻ), 02 nhóm 25-36 tháng (52 trẻ), 04 lớp 3-4 tuổi (100 trẻ), 05 lớp 4-5 tuổi (150 trẻ), 05 lớp 5-6 tuổi (175 trẻ) tuy nhiên, thu nhận hồ sơ của học sinh mới chưa đầy đủ [H1-1.5-01].

Mức 3:

Từ năm học 2016 - 2017 và tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 18 nhóm lớp, được phân chia đúng độ tuổi, theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non, 100% trẻ được học 02 buổi/ ngày tại trường.

**3. Điểm yếu**

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc thu nhận hồ sơ của học sinh mới còn chậm, chưa đầy đủ theo kế hoạch của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021, Hiệu trưởng duy trì số nhóm lớp và số trẻ theo đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường sẽ liên hệ với phụ huynh để bổ sung việc thu nhận hồ sơ học sinh mới.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hồ sơ, sổ sách của nhà trường được thực hiện và lưu trữ theo qui định: hồ sơ quản lý nhân sự, hồ sơ thi đua, hồ sơ kiểm tra nội bộ, sổ công văn đi - đến, hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường và theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích; khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản công để phục vụ các hoạt động giáo dục của đơn vị [H1-1.6-02]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục; Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản thanh tra, kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-04];

[H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 12 năm 2021 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tham mưu với chính quyền địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu truởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, tổ chức cho đội ngũ tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H1-1.7-01].

b) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, theo năng lực, hoàn cảnh, sức khoẻ đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, bảng phân công được cán bộ quản lý họp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được trang bị đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị đảm bảo đủ các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, được tạo điều kiện nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tổ chức tham quan nghỉ dưỡng vào dịp hè, được khám sức khỏe định kỳ một lần trong năm theo chế độ theo quy định [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, tuy nhiên còn một giáo viên lớn tuổi chưa tham gia học chứng chỉ nâng hạng chức danh nghề nghiệp, còn ngại sử dụng máy vi tính [H1-1.2-04]; [H1-1.7-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; phân công hợp lý, rõ ràng, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, có biện pháp phát huy năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Còn một giáo viên lớn tuổi chưa tham gia học chứng chỉ nâng hạng chức danh nghề nghiệp, còn ngại sử dụng máy vi tính.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới trong công tác quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên để phát huy tốt khả năng của mỗi người, Thường xuyên quan tâm, nắm bắt kịp thời năng lực chuyên môn của đội ngũ để phân công, sử dụng nhân sự phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ. Chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp phát huy tính độc lập, tích cực học tập của đội ngũ nhân viên, giáo viên. Tổ chức cho giáo viên mới ra trường tham gia nhiều phong trào thi đua, hội thi, hoạt động tập thể, xây dựng các trò chơi…để tập cho giáo viên tính sáng tạo phát huy tố chất năng lực của cá nhân.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của các lớp được tổ trưởng chuyên môn và phó Hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.8-03]; [H1-1.8-05].

Mức 2:

Công tác kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả như sau: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất để đánh giá và có biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tại đơn vị. Kết quả năm học 2020-2021 có 04 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 01 giáo viên đạt giải khuyến khích giáo viên giỏi cấp thành phố, trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen thành phố, Cờ thi đua thành phố. Tuy nhiên, một số giáo viên soạn kế hoạch, thiết kế giáo án và tổ chức hoạt động cho trẻ chưa linh hoạt, chưa sáng tạo [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng qui định. Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục được rà soát và đánh giá, điều chỉnh. Các kế hoạch được thực hiện đầy đủ đảm bảo tính khoa học và tính logic.

**3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên lớn tuổi soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục sử dụng mạng nội bộ để chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng cao hiệu quả việc soạn kế hoạch và thiết kế các hoạt động giúp giáo viên có cơ hội nâng cao chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc h**ướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập**; hiệu trưởng phát huy quyền làm chủ tập thể, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường; cụ thể hóa quy chế dân chủ thông qua việc bàn bạc, xây dựng các quy định, quy chế phù hợp với điều kiện của nhà trường như: quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản; xây dựng quy chế phối hợp làm việc giữa lãnh đạo đơn vị với các tổ chức đoàn thể của nhà trường; tuy nhiên vẫn còn một số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia đóng góp ý kiến [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Không có khiếu nại tố cáo trong nhà trường; có đầy đủ hồ sơ báo cáo công khai việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai niêm yết [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường có thực hiện báo cáo quy chế dân chủ về Phòng Giáo dục [H1-1.9-01].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy chế dân chủ, dưới sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân thực hiện đầy đủ việc giám sát các kế hoạch, hoạt động của nhà trường, các nội dung thi đua, các kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa đều được thông qua các bộ phận có liên quan, kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, các ý kiến, kiến nghị đều được minh bạch. Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng nhằm đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường; hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở đã được thống nhất trong tập thể, thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Trong nhà trường còn một số giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia đóng góp ý kiến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của nhà trường, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phối hợp Ban chấp hành công đoàn hỗ trợ giúp đỡ Ban thanh tra nhân dân tăng cường công tác giám sát, phát huy những kết quả đạt được đồng thời đề ra những giải pháp khắc phục hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án phòng, chống cháy, nổ; phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; hằng năm, Hiệu trưởng có thực hiện Quy chế phối hợp với công an xã đảm bảo an ninh trật tự theo TT23/2012/TT-BCA đạt tiêu chuẩn về an toàn trật tự [H1-1.10-01]; [H1-1.10-05].

c) Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-02]; [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Hằng năm nhà trường tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện phương án, quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên kiểm tra các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời và trong lớp, kiểm tra vệ sinh môi trường, bếp ăn, xây dựng cảnh quan môi trường thân thiện, đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền về phương án phóng cháy nổ, thiên tai, an ninh trật tự…chưa đa dạng để tạo sự phối hợp từ phía phụ huynh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý thông tin các chuẩn mực, đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử nơi công sở qua bản tin, trao đổi thông tin kịp thời tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự trong nhà trường nên không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm [H1-1.10-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới tại đơn vị.

**3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch triển khai nhóm lớp lựa chọn hình thức để tuyên truyền phụ huynh cùng phối hợp để tăng hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bằng các hình ảnh, từ ngữ ngắn gọn, to rõ, dễ nhìn để thu hút sự quan tâm của phụ huynh. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Cơ cấu tổ chức nhà trường thực hiện đúng theo Điều lệ trường mầm non, cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và đào tạo phát động. Cán bộ quản lý thực hiện nghiêm túc đầy đủ các kế hoạch, hoạt động phong trào, xây dựng các hoạt động cho trẻ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục. Cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giúp nhà trường quản lý tốt tài sản, giữ vững an ninh trật tự trong trường học. Đảm bảo chế độ công khai dân chủ, minh bạch rõ ràng về tài chính, nhận xét đánh giá cán bộ quản lý đương chức và đề bạt cán bộ quản lý kế cận đúng theo quy định của ngành không có trường hợp vi phạm nào xảy ra tại đơn vị.

**Điểm yếu cơ bản:**

Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng, Tổ cấp dưỡng nội dung họp tổ chưa cụ thể và sâu sát.

Còn một giáo viên lớn tuổi chưa tham gia học chứng chỉ nâng hạng chức danh nghề nghiệp, còn ngại sử dụng máy vi tính.

Một vài giáo viên, nhân viên nhà trường ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

Việc thu nhận hồ sơ của học sinh mới còn chậm, chưa đầy đủ theo kế hoạch của nhà trường.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10**

***Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên***

**Mở đầu:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; luôn tích cực trong công việc tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra.

***Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 21 năm, trong đó có 09 năm làm công tác quản lý, có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục, cử nhân quản lý giáo dục, trình độ trung cấp lý luận chính trị; phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục có thời gian công tác trong ngành 18 năm, được bổ nhiệm phó hiệu trưởng tháng 5 năm 2019, có bằng Đại học mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị; phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc, nuôi dưỡng thời gian công tác trong ngành 15 năm, có bằng Đại học Sư phạm mầm non, trung cấp chính trị, được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng tháng 4 năm 2020 [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng đạt từ khá trở lên theo quy định [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Phòng Giáo dục, trường Bồi dưỡng huyện Hóc Môn tổ chức theo quy định [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong năm học 2016-2017, 2017-2018 đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non quy định; từ năm học 2018-2019 đến nay đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non quy định [H1-1.2-02]; [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn về các nội dung chuyên môn, lý luận chính trị, được sự tín nhiệm của giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong năm học 2016-2017, 2017-2018 đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non quy định; từ năm học 2018-2019 đến nay đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non quy định [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có thâm niên công tác liên tục trong giáo dục mầm non trên 05 năm, đạt các yêu cầu theo quy định, được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được lãnh đạo và giáo viên, nhân viên nhận xét đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng mầm non.

**3. Điểm yếu**

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn được bổ nhiệm vào tháng 5 năm 2019 và Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng được bổ nhiệm vào tháng 4 năm 2020 nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, 02 Phó Hiệu trưởng tiếp tục học tập, trau dồi kinh nghiệm, năng lực quản lý chuyên môn và tham khảo, nghiên cứu thêm các tài liệu để có kinh nghiệm hơn nữa trong công tác quản lý.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Năm học 2021-2022 nhà trường có 40 giáo viên, trong đó 12 giáo viên/04 nhóm lớp nhà trẻ; 08 giáo viên/04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 10 giáo viên/05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 10 giáo viên/05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H2-2.2-01].
2. Có 40/40 giáo viên - tỉ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].
3. Nhà trường có 40/40 tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viênnăm học 2020-2021 ở mức đạt và mức khá, không có trường hợp đạt yêu cầu, bị kỷ luật [H2-2.2-02].

Mức 2:

1. Từ năm học 2016-2017 đến thời điểm tự đánh giá có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn được đào tạo trở lên; tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp; trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 40/40 giáo viên đạt tỉ lệ 100%, trong đó có 26/40 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 65%; 14/40 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 35%; hiện nay 09/14 giáo viên có trình độ cao đẳng đang học lớp đại học sư phạm để nâng chuẩn trình độ Đại học (Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp:

+ Năm học 2016-2017 có 47/47 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ khá trở lên.

+ Năm học 2017-2018 có 47/47 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 11/47 giáo viên xếp loại xuất sắc - tỉ lệ 23,4%.

+ Năm học 2018-2019 có 45/45 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 06/45 giáo viên xếp loại tốt - tỉ lệ 13,3%.

+ Năm học 2019-2020 có 41/41 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 00/41 giáo viên xếp loại tốt - tỉ lệ 00%.

+ Năm học 2020-2021 có 38/41 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 03/41 giáo viên xếp loại đạt [H2-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Mức 3:

a) Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên vượt trên mức quy định, giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo:40/40 giáo viên - tỉ lệ 100%. Trong đó giáo viên đạt trình độ đại học: 26/40 giáo viên - tỉ lệ 65% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp có trên 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt loại khá trở lên. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến năm 2021 không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt [H2-2.2-02].

+ Năm học 2016-2017 có 47/47 giáo viên-tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ khá trở lên.

+ Năm học 2017-2018 có 47/47 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 11/47 giáo viên xếp loại xuất sắc - tỉ lệ 23,4%.

+ Năm học 2018-2019 có 45/45 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 06/45 giáo viên xếp loại tốt-tỉ lệ 13,3%.

+ Năm học 2019-2020 có 41/41 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 00/41 giáo viên xếp loại tốt - tỉ lệ 00%.

+ Năm học 2020-2021 có 38/41 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 03/41 giáo viên xếp loại đạt.

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ, giáo viên trong nhà trường luôn được đảm bảo đủ điều kiện trình độ để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao tay nghề.

**3. Điểm yếu**

Từ năm 2019 đến nay không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021và những năm tiếp theo, hiệu trưởng có kế hoạch hướng dẫn, bồi dưỡng tạo điều kiện giáo viên tham gia các hoạt động, hội thi của phòng, huyện để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu đến cuối năm giáo viên đạt chuẩn tốt 02/40.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non công lập, gồm có 16 nhân viên trong đó: 01 nhân viên kế toán; 01 văn thư; 01 nhân viên thủ quỹ; 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 03 phục vụ, 06 cấp dưỡng nhân viên phục vụ [H2-2.3-01].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế, chuyên môn, nghiệp vụ của từng người [H1-1.7-02].

c) Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định, tích cực học tập nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất từng cá nhân, đảm bảo an toàn cho trẻ [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Trường thuộc loại hình trường công lập có cơ cấu số lượng nhân viên đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, gồm có 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thủ quỹ; 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ; 6 cấp dưỡng (01 biên chế, 03 hợp đồng 161, 02 hợp đồng khoán) [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường luôn ý thức trách nhiệm trong công việc, đảm bảo quy chế làm việc theo ký kết, đến thời điểm hiện tại không có trường hợp nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01]; [H1-1.2-04].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: đội ngũ nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể: Kế toán có trình độ chuyên môn trung cấp, nhân viên văn thư có trình độ đại học văn hóa, 01 nhân viên y tế có trình độ trung cấp và chứng chỉ hành nghề, cấp dưỡng đều có giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, 03 nhân viên bảo vệ đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ, tập huấn phòng chống cháy nổ. Có 6 cấp dưỡng có 01 nhân viên cấp dưỡng trình độ trung cấp, tuy nhiên có 05 cấp dưỡng đã qua lớp sơ cấp nấu ăn [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường tạo điều kiện để các nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của trường Bồi dưỡng giáo dục [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên cấp dưỡng còn 05 người chưa có bằng trung cấp nấu ăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 01 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng và bảo vệ tham gia học bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao tay nghề.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt từ khá trở lên.

Đội ngũ giáo viên và nhân viên được phân công kiêm nhiệm đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

**Điểm yếu cơ bản:**

Nhân viên cấp dưỡng còn 05 người chưa có bằng trung cấp nấu ăn;

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn được bổ nhiệm vào tháng 5 năm 2019 và Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng được bổ nhiệm vào tháng 4 năm 2020 nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đóng một vai trò quan trọng trong trường học, góp phần phục vụ và nâng cao chất lượng cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trong nhà trường. Trường có diện tích đất rộng ở địa thế đẹp, các công trình được xây dựng kiên cố, khuôn viên nhà trường, sân vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu; có sân chơi, vườn hoa, vườn rau sạch, xung quanh trường có tường rào đảm bảo an toàn. Các phòng học, phòng chức năng tương đối đầy đủ theo quy định của trường đạt Chuẩn quốc gia, các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lí và dạy học; có đủ nước sạch, ánh sáng và hệ thống thoát nước tốt cho tất cả các khu vực.

***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất là 6.148,8 m2/492 trẻ, trung bình 12.5 m2/trẻ, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, đúng quy cách rộng rãi, thoáng mát tạo điều kiện tốt trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố, đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ; cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non[H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang chơi thuận lợi cho trẻ hoạt động như: thể dục, tổ chức các trò chơi và chơi đồ chơi ngoài trời, có nhiều cây xanh; nhà trường còn trồng các dây leo để tạo bóng mát cho học sinh ra sân hoạt động như: vườn cây, vườn rau của bé gồm nhiều loại cây cảnh, cây bóng mát, cây hoa, rau phong phú, gần gũi với trẻ, có gắn biển tên cây để dành riêng cho trẻ chăm sóc, giúp trẻ khám phá, học tập; tổng diện tích sân chơi 1.088 m2 được thiết kế phù hợp, tuy nhiên, sân chơi trong khuôn viên nhà trường một số nơi bị còn bị nứt, lún [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích đất của nhà trường là 6.148,8m2, diện tích sân chơi của nhà trường là 1,088 m2; khu vực trẻ chơi ngoài trời được đổ bê-tông, trồng thảm cỏ; có nhiều loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài được thiết kế kiên cố, sân chơi rộng rãi thoáng mát, có nhiều cây xanh tươi tốt, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn hoa, vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và khám phá học tập, sân chơi được phân chia, bố trí thành nhiều khu vực chơi, cụ thể: khu trò chơi vận động-dân gian, khu trò chơi cát nước; sân chơi với thiên nhiên, khu vực trẻ chơi ngoài trời được lát gạch đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ trong khi chơi [H3-3.1-02].

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được bố trí nhiều thiết bị, đồ chơi đa dạng về kích thước, đa dạng về cách chơi và được bố trí phù hợp theo lứa tuổi, sân chơi được bê tông hóa cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi, các thiết bị, đồ chơi ngoài trời, các khu vực chơi đều được ngăn cách an toàn với ao hồ, khu để xe của giáo viên, nhân viên, khu vực nhà bếp, sân chơi sạch sẽ và an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hiện tại hư hỏng nhiều nhà trường tiến hành rà soát đồ dùng đồ chơi của lớp và có xây dựng kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp; Trường sẽ tiếp tục tham mưu trình lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân huyện bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế đảm bảo an toàn và hoạt động của trẻ [H3-3.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh kiên cố đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**3. Điểm yếu**

Các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời bị xuống cấp, hư hỏng nhiều chưa có điều kiện thay thế. Một số nơi sân chơi trong nhà trường bị lún, nứt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục tham mưu trình lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân huyện bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế đảm bảo an toàn và hoạt động của trẻ. Đồng thời, hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra cải tạo những nơi nứt nẻ, sụp lún để tạo sân chơi bằng phẳng đảm bảo an toàn cho trẻ.

**Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1:

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 18 nhóm, lớp: 01 nhóm trẻ từ 13-18 tháng, 01 nhóm trẻ từ 19-24 tháng, 02 nhóm trẻ từ 25-36 tháng, 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi. Các phòng có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát, nền nhà được lát gạch men đảm bảo an toàn cho trẻ, được trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, sắp xếp gọn gàng sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc giáo dục; trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi [H3-3.1-01].

b) Năm học 2021-2022trường có 18 nhóm, đây cũng là nơi sinh hoạt, học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ. Trường có các phòng: 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng giáo dục thể chất được được lót sàn gỗ trang bị đầy đủ các đồ dùng đồ chơi an toàn để trẻ vận động; phòng thoáng mát, đủ ánh sáng, có các dụng cụ phục vụ hoạt động giáo dục âm nhạc như: đàn organ, dụng cụ âm nhạc, trang phục, phòng thể chất có đầy đủ các trang thiết bị để phục vụ cho trẻ về phát triển thể lực như: thang leo, ghế thể dục, bóng rổ, cổng chui, banh, bậc thang [H3-3.2-01].

c) Các phòng học, phòng chức năng và các phòng khác của trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát cho trẻ hoạt động, các phòng có tủ đựng hồ sơ dạy học, hồ sơ trẻ và có đầy đủ các thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ phù hợp theo từng lứa tuổi [H1-1.6-04]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung 18 nhóm lớp, phòng ngủ, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.6-04]; [H3-3.1-01].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục; tuy nhiên, không có phòng tin học và phòng làm quen với ngoại ngữ [H3-3.2-01].

1. **Điểm mạnh**

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng tổ chức học ngoại ngữ, tin học riêng cho trẻ.

Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú so với số trẻ của trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 8 năm 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng lên kế hoạch sắp xếp, cải tạo phòng học ngoại ngữ, tin học cho trẻ và bổ sung thêm nhiều đầu sách hay phong phú, phù hợp với mọi lứa tuổi nhằm tạo hứng thú mới lạ cho trẻ khi đến phòng thư viện.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1:

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non ban hành kèm theo [Thông tư 52/TT-BGDĐT](https://thukyluat.vn/vb/van-ban-hop-nhat-05vbhnbgddt-dieu-le-truong-mam-non-bo-giao-duc-dao-tao-2014-36D92.html) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định 135/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 46/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục bao gồm: phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng họp, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.1-01].

b) Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính có đầy đủ các phương tiện làm việc, có máy tính, máy in, máy photo, tủ đựng hồ sơ và bàn ghế tiếp khách; phòng y tế được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ sơ cấp cứu, thuốc, cân, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cho trẻ và các loại sổ sách theo dõi theo yêu cầu của y tế [H3-3.3-01].

c) Nhà trường có khu vực để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự. [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Các loại phòng của trường đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại điều lệ trường mầm non:phòng Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế diện tích 24 m2; phòng phó hiệu trưởng diện tích 36 m2, phòng họp diện tích 82,8 m2, phòng bảo vệ diện tích 9 m2; 02 khu để cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó 01 khu diện tích 14 m2 và 01 khu 10,50 m2 [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non, phòng hội trường diện tích 173 m2, phòng hiệu trưởng diện tích 24 m2, phòng phó hiệu trưởng diện tích 36 m2, phòng họp diện tích 82,8 m2, phòng hành chính quản trị diện tích 24 m2; phòng y tế diện tích 24 m2; phòng bảo vệ 9 m2; phòng nghệ thuật 82,8 m2; phòng thể chất 82,8 m2; sảnh đón trẻ 78 m2; 02 khu để cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó 01 khu diện tích 14 m2 và 01 khu 10,50 m2, tuy nhiên sắp xếp, bố trí máy móc, tủ, bàn ghế, bộ phận chưa khoa học, thẩm mỹ [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng với diện tích phù hợp yêu cầu và đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khoẻ của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên; có phòng bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ giáo viên và nhân viên theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Cách sắp xếp, bố trí máy móc, hồ sơ chưa khoa học, thẩm mỹ do trường thiếu tủ đựng hồ sơ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng có kế hoạch trang bị thêm tủ hồ sơ và bố trí, sắp xếp hồ sơ gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện dễ tìm kiếm để mang lại hiệu quả công tác chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

Mức 1:

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà bếp của trường được xây dựng và sắp xếp theo quy trình bếp một chiều, gồm có 07 công đoạn và các dụng cụ sống chín được sắp xếp theo từng khu vực riêng biệt giúp cấp dưỡng thuận tiện sử dụng; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, sinh tố; có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm, được bố trú trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

c) Trường có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm, 01 tủ mát để yaourt [H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, diện tích 128m2/492 trẻ; nhà bếp được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn; có các đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: tủ sấy chén, tủ hấp cơm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, có máy nước nóng trực tiếp, các đồ dùng, dụng cụ nhà bếp bằng inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng chín, có hệ thống hút khói, thoát mùi bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định; tuy nhiên, trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 13/14 lớp mẫu giáo, nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng; chưa trang bị máy xắt rau củ, quả [H3-3.1-01]; [H3-3.4-03].

Mức 3:

Bếp ăn của trường đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng, được trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị các đồ dùng được inox hóa 100% thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng; có phương tiện bảo quản thực phẩm, có chỗ rửa tay với dung dịch sát khuẩn, thực hiện tốt việc xử lý và phân loại rác, các thùng rác đều có nắp đậy đảm bảo hợp vệ sinh [H3-3.1-01]; [H1-1.6-04]; [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa trang bị máy xắt rau củ, quả và xe đẩy cơm cho các lớp mẫu giáo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng có kế hoạch tiếp tục bảo quản, sử dụng và phát huy cơ sở vật chất sẵn có đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nuôi dưỡng cho trẻ, tiếp tục duy trì thực hiện bếp ăn một chiều. Đến tháng 5 năm 2022, hiệu trưởng có kế hoạch trang bị, bổ sung đồ dùng hiện đại cho nhà bếp đảm bảo việc giảm tải sức lao động và nâng cao chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến tính thẩm mỹ cao [H3-3.5-01].

c) Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản và có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, bổ sung, nâng cấp các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Toàn bộ hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet, nhà trường có thực hiện kết nối mạng nội bộ phục vụ trong công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động dạy học ở các lớp [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, mỗi lớp đều được trang bị máy tính được kết nối internet [H3-3.5-01].

c) Hằng năm nhà trường bổ sung các thiết bị dạy học do các giáo viên tự làm; ngoài ra nhà trường còn trang bị 01 máy chiếu phục vụ cho giáo viên trong hoạt động giáo dục [H3-3.5-01].

Mức 3:

Tập thể giáo viên, nhân viên có làm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục từ nguyên vật liệu mở tạo đồ dùng đồ chơi cho trẻ trong hoạt động hàng ngày nhưng chưa nhiều, chưa đa dạng, phong phú dễ bị hư [H3-3.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục và đồ chơi tự làm theo quy định. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên trong công tác giáo dục trẻ, giúp trẻ hứng thú, tham gia tích cực trong hoạt động của lớp, của trường.

**3. Điểm yếu**

Giáo viên tự tạo đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở tuy nhiên chưa chú ý đến tính thẩm mỹ cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021, hiệu trưởng có kế hoạch cho giáo viên làm thêm đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho trẻ và tính thẩm mỹ cao.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng; trường không có trẻ khuyết tật [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước nước sạch phục vụ trong sinh hoạt, hằng năm bộ phận y tế tiến hành xét nghiệm mẫu nước và được xác nhận nguồn nước đảm bảo an toàn và nước trẻ uống được ký hợp đồng với công ty nước công ty cổ phần Tân Sơn-Tasoco

[H3-3.1-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.6-01].

c) Các thùng rác được bố trí có nắp đậy, thực hiện phân loại rác chứa đựng tạm thời trong nhà trường; hằng năm nhà trường có hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, rác được thu gom hằng ngày [H3-3.6-02].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, xây dựng phù hợp; mỗi lớp đều có nhà vệ sinh khép kín theo quy định, nền nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, khô ráo thuận tiện cho trẻ sử dụng; có 02 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được vệ sinh sạch sẽ; đối với phòng vệ sinh của trẻ: có chỗ riêng cho trẻ nam và trẻ nữ; phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, rất thuận tiện cho việc sử dụng và dễ quan sát; có 4 vòi nước rửa tay/lớp; chỗ đi tiểu tiện có vòi nước và nắp đậy; đối với khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ [H3-3.1-01].

b) Nhà trường sử dụng nước trong sinh hoạt đảm bảo, hàng năm bộ phận y tế tiến hành xét nghiệm mẫu nước và được xác nhận nguồn nước an toàn đúng theo yêu cầu quy định, nước trẻ uống của công ty nước công ty cổ phần Tân Sơn-Tasoco; trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không bị ứ đọng; có hệ thống thoát nước dành riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh; nhà trường bố trí đầy đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, hợp đồng với cơ sở thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường; tuy nhiên nhà trường chưa họp đồng xử lý rác thải y tế [H3-3.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh; các lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ, đủ ánh sáng, không có mùi hôi khai.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa hợp đồng xử lý rác thải y tế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng lên kế hoạch ký hợp đồng xử lý rác thải y tế để đảm bảo vệ sinh, an toàn cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời bị xuống cấp, hư hỏng nhiều chưa có điều kiện thay thế. Một số nơi sân chơi trong nhà trường bị lún, nứt.

Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú.

Trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 13/14 lớp khối mẫu giáo nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến tính thẩm mỹ cao.

Nhà trường chưa hợp đồng xử lý rác thải y tế.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp vào đầu năm học, đã thành lập được Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, của mỗi lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo năm học, phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, chăm sóc, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra [H4-4.1-01].

c) Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức thực hiện theo kế hoạch, hoạt động có hiệu quả và đúng tiến độ; nhiều năm liền Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc phối hợp cùng nhà trường, tham gia và hỗ trợ các hoạt động [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh, về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua các hình thức như: phát thanh trên loa của nhà trường, tuyên truyền trên bảng tin, kịp thời giải đáp những thắc mắc cũng như truyền tải những ý kiến xây dựng đóng góp của cha mẹ học sinh, giúp nhà trường kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót để hoàn thiện trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, trong thời gian qua công tác phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả, không có trường hợp thưa kiện, tố cáo; tuy nhiên, hình thức tuyên truyền đến cha mẹ học sinh chưa phong phú, đa dạng nên chỉ có 385/687 phụ huynh - tỉ lệ 56.04% đến tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh [H4-4.1-01].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường và hoạt động đúng theo điều lệ, có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học. Nhiều năm liền Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc phối hợp cùng nhà trường, thực hiện các mục tiêu chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ cũng như tuyên truyền phổ biến pháp luật.

**3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền đến cha mẹ học sinh chưa phong phú, đa dạng nên chỉ có 589/687 phụ huynh - tỉ lệ 85.7% đến tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021, hiệu trưởng tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến cha mẹ học sinh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và cha mẹ học sinh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của cha mẹ học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp Uỷ Đảng và Ủy Ban nhân dân xã Tân Xuân để thực hiện phương hướng xây dựng phát triển chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cho trẻ khối lá tham quan bia tưởng niệm xã, tham quan siêu thị cho trẻ khối Lá (5 tuổi); thực hiện công tác phối hợp công an xã các biện pháp giữa gìn an ninh trật tự xung quanh trường; kí kết quy chế phối hợp với công an xã Tân Xuân về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ dân tộc khơ me, chăm, hộ nghèo, hộ cận nghèo [H4-4.2-02].

c) Thực hiện quy chế phối hợp chặt chẽ với công an xã, xã Đội xã Tân Xuân, phụ huynh không để tình trạng mua bán, gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong nhà trường; phối hợp với trung tâm y tế tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.1-01]; [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho trẻ thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp trẻ tiếp tục đến trường hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non; tham mưu với Ủy Ban nhân dân xã Tân Xuân chương trình kinh phí nông thôn mới Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất để tiếp tục giữ vững trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng cấp độ 2; xây dựng đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch năm học phù hợp với truyền thống của địa phương qua hoạt động “Bé vui đón xuân”; “Lễ hội 30/4”; “Giỗ Tổ Hùng Vương” [H5-5.1-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để xây dựng trường xanh, sạch, đẹp; môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tham mưu phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 01 năm 2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục rà soát, kiểm tra, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, cơ sở vật chất, môi trường hoạt động theo tình hình thực tế tham mưu để phối hợp với cấp chính quyền trong công tác tuyên truyền đến các doanh nghiệp trên địa bàn xã, tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động thêm nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất xây dựng môi trường giáo dục chất lượng cao; chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp tốt với các bộ phận, đoàn thể trong nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều lễ hội phù hợp truyền thống địa phương cho trẻ tham gia, nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật**:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh, trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Hình thức tuyên truyền đến cha mẹ học sinh chưa phong phú, đa dạng nên chỉ có 589/687 phụ huynh - tỉ lệ 85.7% đến tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương nhưng hiệu quả chưa cao.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non Tân Xuân luôn tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực: thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm xã hội, thẩm mỹ theo Chương trình giáo dục mầm non và Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi; có kế hoạch cụ thể triển khai tới giáo viên các lớp để thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm dựa trên sở thích, nhu cầu, mong muốn, khả năng của trẻ từ đó tạo ra môi trường giáo dục vui tươi, tạo ra những trải nghiệm thúc đẩy sự tìm tòi ham hiểu biết của trẻ; nhà trường có kế hoạch theo dõi, đánh giá quá trình phát triển của trẻ từng lĩnh vực kịp thời điều chỉnh kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch năm học, phù hợp với chỉ đạo của ngành, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch năm học các nhóm lớp [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển chương trình giáo dục theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện của đơn vị và tình hình thực tế của địa phương; tổ chức cho các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8.0, nhận xét đánh giá trên phần mềm kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

c) Kế hoạch giáo dục của các lớp được tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.2-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đảm bảo các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi; việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong những năm đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.6-04] ; [H2-1.8-01]; [H2-1.8-02].

b) Nhà trường thực hiện việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa phù hợp của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.8-01]; [H2-1.8-02].

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non kèm Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực để áp dụng vào thực tiễn của trường, địa phương; trong sinh hoạt chuyên môn, còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục qua kết quả đánh giá trẻ của các lớp từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-02]; [H5-5.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trong sinh hoạt chuyên môn, còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo Phó hiệu trưởng hướng dẫn thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra. Chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội. Trong các cuộc họp chú trọng mời các giáo viên còn rụt rè, nhút nhát phát biểu khó khăn, thắc mắc.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, nội dung đảm bảo cho trẻ hoạt động an toàn cả về thể chất, tinh thần, phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng lớp như hoạt động vui chơi ngoài trời, vui chơi trong lớp; hoạt động các lễ hội Noel, Trung thu, Giỗ tổ Hùng Vương; chăm sóc vườn hoa, vườn rau phù hợp với nhu cầu theo lứa tuổi; tham quan doanh trại bộ đội, đi siêu thị mua sắm, thắp hương đài tưởng niệm xã Tân Xuân dành cho trẻ 5-6 tuổi kích thích sự hứng thú của trẻ, giúp trẻ được trải nghiệm thực tế tại trường, lớp tăng hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ một cách tự nhiên tuy nhiên đoạn đường từ trường đến các nơi trải nghiệm hơi xa nên khó khăn trong công tác di chuyển [H1-1.2-02]; [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế; các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu; giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”; trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động; ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài chơi, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp; tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

**3. Điểm yếu**

Do tình hình dịch bệnh nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan trải nghiệm ở xa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021, hiệu trưởng tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

Cán bộ quản lý có kế hoạch phối hợp với cha mẹ học sinh để tổ chức tốt nhất việc di chuyển khi tổ chức cho trẻ tham quan, trải nghiệm hoặc mời chuyên gia đến, hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ***

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho trẻ; ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã Tân Xuân chăm lo sức khỏe cho trẻ như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

b) Năm học 2020-2021: 687/687 trẻ đạt tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-01].

Hằng quý 100% trẻ được đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe; riêng đối với trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hằng tháng [H5-5.3-01].

c) Nhà trường có xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, có tổ chức tăng cường vận động đối với trẻ dư cân béo phì và có chế độ ăn riêng cho trẻ dư cân, béo phì, chế độ ăn thêm cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi. Do đó, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-02].

- Giảm tỷ lệ SDD - Béo phì như sau: Giảm SDD: Giảm 06/07 trẻ - Tỷ lệ: 86.71%; giảm béo phì: 42/64 trẻ - Tỷ lệ: 65.63% đạt so với chỉ tiêu

+Trẻ kênh A: 664 /687 trẻ - Tỷ lệ: 93.74%

+ Béo phì: đầu vào: 64/687 - Đầu ra: 22/687 trẻ - Tỷ lệ: 3.2 %. Giảm 42/64 trẻ - Tỷ lệ: 65.63% [H5-5.3-02].

+ SDD nhẹ cân: đầu vào: 07/687 - Đầu ra: 01/687 trẻ - Tỷ lệ: 0.15 %. Giảm 06/07 trẻ - Tỷ lệ: 85.71% [H5-5.3-02].

+ SDD thấp còi: đầu vào: 06/687 - Đầu ra: 01/687 trẻ - Tỷ lệ: 0.15 %. Giảm 05/06 trẻ - Tỷ lệ: 83.33% [H5-5.3-02].

+ SDD mãn: đầu vào: 06/687 - Đầu ra: 01/687 trẻ - Tỷ lệ: 0.15 %. Giảm 05/06 trẻ - Tỷ lệ: 83.33% [H5-5.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ qua các buổi họp phụ huynh học sinh, trao đổi thông tin trực tiếp và qua bảng tuyên truyền của lớp, tuy nhiên hình thức tuyên truyền chưa phong phú và đa dạng [H4-4.1-01].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT- BGDĐT) cụ thể như: xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi; số bữa ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ, nước uống; xây dựng thực đơn theo ngày, theo tuần, theo mùa [H5-5.3-03].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, cuối năm tình trạng dinh dưỡng của trẻ giảm so với đầu năm học tuy nhiên trẻ béo phì của trường cao [H5-5.3-01].

Kết quả phòng chống suy dinh dưỡng:

\* Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân:

- Đầu vào: 07/687 trẻ - Tỉ lệ: 85,71%

- Giảm: 06/07 trẻ - Tỉ lệ: 85,7%

\* Trẻ dư cân-béo phì:

- Đầu vào: 64/687 trẻ - Tỉ lệ: 9,32 %

- Giảm 22/687 trẻ - Tỉ lệ: 32,02% [H1-1.2-02].

Mức 3:

Hằng năm, trẻ được theo dõi chiều cao, cân nặng theo qui định: chiều cao cân nặng trẻ phát triển tốt theo độ tuổi; tỉ lệ trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường năm học 2020-2021 cuối năm trẻ kênh A: 664/687 trẻ - Tỉ lệ: 93.74% [H1-1.6-06].

**2. Điểm mạnh**

Trường phối hợp tốt với Trạm y tế xã Tân Xuân trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ tuổi. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, dư cân-béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, sân trường rộng, thoáng, an toàn cho trẻ vận động.

**3. Điểm yếu**

Trẻ dư cân-béo phì còn cao 64/687 - tỉ lệ 9.32%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 10 năm 2021, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng lên kế hoạch tiếp tục tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và cha mẹ học sinh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, dư cân-béo phì tại đơn vị; tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, dư cân-béo phì; trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng sớm, bổ sung dinh dưỡng hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tính đến thời điểm thực hiện báo cáo tự đánh giá, tỷ lệ chuyên cần trẻ đến trường đạt tỉ lệ như sau: Trẻ 25-36 tháng đạt tỷ lệ 86%, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi đạt tỷ lệ 92%, trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi đạt tỷ lệ 92,2%, trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 96% [H5-5.4-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi, thực hiện việc tuyên truyền Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đến cha mẹ học sinh trong cuộc họp đầu năm học và bảng tin của trường; giáo viên xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho cha mẹ học sinh theo từng tháng phù hợp với kế hoạch giáo dục, đặc điểm tình hình của lớp; nhà trường có 220/220, tỉ lệ 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi, đánh giá đạt theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỉ lệ 100% [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

c) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

a) Tỉ lệ chuyên cần của trẻ đạt theo quy định: năm học 2020-2021 tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt trên 96%; đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 96% [H5-5.4-01].

b) Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định; năm học 2020-2021, trường có 220/220 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỉ lệ 100% [H5-5.4-03].

c) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]; [H1-1.8-04].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2020-2021, trường có 220/220 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

b) Năm học 2020-2021 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**2. Điểm mạnh**

Trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá thường xuyên theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, qua bảng tổng hợp đánh giá trẻ 5 tuổi hàng tháng của giáo viên tại lớp và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

**3. Điểm yếu**

Do tình hình dịch bệnh trẻ nghỉ học theo cha mẹ học sinh về quê nên tỉ lệ chuyên cần của 5 tuổi còn thấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 9 năm 2021, hiệu trưởng tiếp tục lựa chọn các biện pháp phù hợp để tuyên truyền, đồng thời phối hợp với các đoàn thể trong xã Tân Xuân và cha mẹ học sinh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ như những năm trước và cao hơn nữa.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 3.

**Kết luận tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường Mầm non Tân Xuân nhiều năm liền thực hiện tốt kế hoạch của huyện về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục nên chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ luôn đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ nằm trong kênh A cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân dưới 10%. Nhà trường có nhiều biện pháp nhằm hạn chế tăng cân và đảm bảo sức khoẻ trẻ béo phì. Trẻ được phát triển toàn diện về các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Số lượng trẻ dư cân-béo phì còn cao. Trong sinh hoạt chuyên môn, còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

Trường xa nơi tổ chức cho trẻ tham quan các hoạt động trải nghiệm nên khó khăn trong công tác di chuyển.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04**

**PHẦN III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Trường Mầm non Tân Xuân thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25, tỉ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25, tỉ lệ: 00%

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 25/25, tỉ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25, tỉ lệ: 00%

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 09/19, tỉ lệ: 47.37%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 10/19, tỉ lệ: 52.63%

- Mức đánh giá của Trường Mầm non Tân Xuân: Mức 2;

- Trường Mầm non Tân Xuân đề nghị đạt kiểm định chất lượng Giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non của Trường Mầm non Tân Xuân. Nhà trường kính mong các cấp lãnh đạo đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu nhằm giúp nhà trường ngày càng hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả hơn./.

*Hóc Môn, ngày tháng 9 năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Thị Mộng Trang** |

**Phần IV. Phụ lục**

**Danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú**  **(Nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường.  Biên bản, niêm yết công khai chiến lược. | Kế hoạch 255/KHCL-MNTX ngày 28/9/2020 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.1-02] | Hình ảnh, bảng tin, phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường | Nhiệm kỳ 2015-2019, 2020-2025 | Trường Mầm non Tân Xuân | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.1-03] | Hình ảnh đường truy cập vào Cổng thông tin điện tử về phương hướng chiến lược, website của trường | Nhiệm kỳ 2015-2019, 2020-2025 | Trường Mầm non Tân Xuân | Phòng Phó hiệu trường |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường. | Năm học 2016-2020 | Phòng Giáo dục và Đào tạo | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.2-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ Tuyển sinh. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 4 | [H1-1.2-04] | Biên bản họp Hội đồng nhà trường. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ Công đoàn, Chi đoàn. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ chi bộ. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Trường Mầm non Tân Xuân | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hội chữ thập đỏ, hội khuyến học. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Trường Mầm non Tân Xuân | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Trường Mầm non Tân Xuân | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định thành lập tổ chuyên môn, văn phòng | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch các tổ chuyên môn, văn phòng | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng | Phòng truyền thống |
| 4 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ tổ chuyên môn | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ học sinh | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ điểm danh | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng kế toán |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ văn thư | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Phó hiệu trường |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ quản lý tài chính | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng kế toán |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ thi đua | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 5 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ tài sản, cơ sở vật chất | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng kế toán |
| 6 | [H1-1.6-06] | Các phần mềm quản lý EPMIS, IMAS, cơ sở dữ liệu | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng kế toán, văn thư |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ chăm lo chế độ tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí** 1.8 | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch GD nhà trường. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.8-02] | Kế hoạch Giáo dục nhóm lớp. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống và nhóm lớp |
| 3 | [H1-1.8-03] | - Hồ sơ quản lý chuyên môn  - Biên bản họp và kế họach họp hội BGH. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 4 | [H1-1.8-04] | Hồ sơ đánh giá trẻ. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng truyền thống |
|  | [H1-1.8-05] | Bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Quy chế dân chủ. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ công khai, các biên bản niêm yết.  Hồ sơ ban thanh tra nhân dân. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thảm họa thiên tai... | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ đảm bảo an toàn thực phẩm. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 4 | [H1-1.10-04] | Hồ sơ các hợp đồng mua bán. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hình ảnh hộp thư góp ý của trường; biên bản kiểm tra | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hồ sơ y tế | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Y tế | Phòng Y tế |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ nhân sự giáo viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Phó hiệu trường |
| 2 | [H2-2.2-02] | Hồ sơ đánh giá xếp loại giáo viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Hồ sơ nhân viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trường |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ thiết kế xây dựng trường, các bản vẽ; chứng nhận quyền sử dụng đất. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh biển tên trường và tường rào, khuôn viên trường, khuôn viên, vườn cây.  Hình ảnh khu vực chơi của trẻ. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng  Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh phòng học và sinh hoạt chung.  Hình ảnh các phòng chức năng. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng  Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh nhà xe, phòng ban, thiết bị. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng  Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh nhà bếp, kho thực phẩm, kho để gas, tủ lưu nghiệm. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.4-02] | Hồ sơ lưu mẫu thực phẩm theo quy định. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hồ sơ quản lý bán trú. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng kế toán |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự làm.  Danh mục đồ dùng, chơi tự tạo của giáo viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hồ sơ xét nghiệm mẫu nước. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 2 | [H3-3.6-02] | Hóa đơn thanh toán tiền nước, tiền rác. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng kế toán, phòng truyền thống |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hợp đồng công ty nước uống, thu gom rác. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hồ sơ kế hoạch, qui chế phối hợp giữa các đoàn thể. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| 2 | [H4-4.2-02] | Hồ sơ tuyên truyền phó hiệu trưởng. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Biên bản triển khai chuyên môn cho giáo viên, nhân viên. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 2 | [H5-5.1-02] | Hồ sơ các chuyên đề hoạt động. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hình ảnh trẻ hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ  Hồ sơ kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, béo phì. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.3-02] | Hình ảnh trẻ khám sức khỏe, tiêm ngừa, uống Vacxin, vận động suy dinh dưỡng - béo phì. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.3-03] | Hồ sơ cân đối khẩu phần dinh dưỡng theo quy định. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Hồ sơ tỉ lệ chuyên cần học sinh. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 2 | [H5-5.4-02] | Hồ sơ phổ cập trẻ 05 tuổi. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |
| 3 | [H5-5.4-03] | Hồ sơ Bộ chuẩn trẻ 05 tuổi. | Năm học 2016-2017  đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng truyền thống |